TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA

KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN



TIỂU LUẬN

Đề tài: “Phân tích đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.”

*Giảng viên hướng dẫn :* ThS. Đồng Thị Tuyền

*Thành viên nhóm 4:*

1. Trương Trọng Đạt – 20010282
2. Nguyễn Việt Đức – 20010281
3. Hoàng Đức Hải – 20010670
4. Nguyễn Mỹ Hảo – 19010405
5. Nguyễn Nguyên Hạnh – 20010462
6. Nguyễn Thị Hồng Hạnh – 20010044
7. Bùi Thanh Hằng – 20010287
8. Lê Hữu Hiếu – 20010241
9. Nông Vũ Hiếu – 20010704
10. Phạm Đức Hiếu – 20010768

*Lớp học phần*: Kinh tế chính trị Mác –Lê-nin\_1.1(14.FS).3\_LT

*Năm học:* 2021-2022

HÀ NỘI, THÁNG 11/2021

MỤC LỤC

[LỜI MỞ ĐẦU 3](#_Toc82287648)

[NỘI DUNG 5](#_Toc82287649)

[1. Phân tích đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5](#_Toc82287650)

[1.1 Khái niệm kinh tế thị trường 5](#_Toc82287651)

[1.2 Về mục tiêu 5](#_Toc82287652)

[1.3 Về quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế 6](#_Toc82287651)

[1.4 Về quan hệ quản lý nền kinh tế 8](#_Toc82287651)

[1.5 Về quan hệ phân phối 10](#_Toc82287651)

[1.6 Về quan hệ gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội 10](#_Toc82287651)

[2. Những thành tựu sau 35 năm phát triển kinh tế của đất nước 11](#_Toc82287653)

[2.1. Quy mô nền kinh tế Việt Nam sau 35 năm phát triển 11](#_Toc82287654)

[2.2. Phát triển gắn kết hài hòa với phát triển văn hóa - xã hội 12](#_Toc82287655)

[2.3. Hội nhập quốc tế sâu rộng, vị thế ngày càng được nâng cao 14](#_Toc82287656)

[3. Một số kiến nghị 16](#_Toc82287657)

[KẾT LUẬN 17](#_Toc82287663)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 17](#_Toc82287664)

# LỜI MỞ ĐẦU

Lịch sử xã hội loài người đã trải qua nhiều mô hình kinh tế khác nhau như: nền kinh tế tự nhiên; kinh tế tự cung, tự cấp; kinh tế hàng hóa giản đơn; kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp; kinh tế thị trường (kinh tế hàng hóa đã phát triển ở trình độ cao). Trong tiến trình phát triển đó, các mô hình kinh tế luôn có sự vận động và hoàn thiện hơn để đáp ứng cho yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và cho đến nay mô hình kinh tế thị trường được coi là mô hình kinh tế có nhiều tính vượt trội so với các mô hình khác; chẳng hạn, nó tạo động lực để thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh hơn, có hiệu quả hơn, cung cấp cho thị trường hàng hóa và dịch vụ ngày càng nhiều hơn, phong phú, đa dạng về chủng loại, mẫu mã hàng hóa. Ở Việt Nam, đang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) với những đặc trưng riêng, phù hợp điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Qua hơn mươi năm, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn dân tộc, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử: Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế, xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện; kinh tế tăng trưởng nhanh, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN được đẩy mạnh; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt; chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được giữ vững; vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao; sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Là sinh viên đại học Phenikaa, chúng em nghiên cứu để đảm bảo giữ vững nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, do đó chúng em lựa chọn đề tài “ Phân tích những đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam” Do kiến thức còn hạn chế nên bài luận có thể có thiếu sót, chúng em rất mong sự đóng góp của cô để bài luận hoàn thiện hơn.

# NỘI DUNG

1. Phân tích đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1.1 Khái niệm kinh tế thị trường.

Kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ,là nền kinh tế vận hành đầy đủ ,đồng bộ theo quy luật của kinh tế thị trường ,đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đát nước ;là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế ,có sự quản lí của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ,do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo ;nhằm mục tiêu “dân giàu ,nước mạnh ,dân chủ .công bằng ,văn minh’’.

1.2 Về mục tiêu.

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phương tiện để phát triển lực lượng sản xuất ,xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chru nghĩa xã hội ;nâng cao đời sống nhân dân ,thực hiện “dân giàu ,nước mạnh ,dân chủ .công bằng ,văn minh “.

Đây là sự khác biệt cơ bản của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa .Mục đích đó bắt nguồn từ cơ sở kinh tế - xã hội của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội và là sự phản ánh mục tiêu chính trị - xã hội mà Đảng ,nhà nước và nhân đân ta đang phấn đấu .Mặt khác ,đi đôi với việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại ,quá trình phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam còn gắn với xây dựng quan hệ sản xuất tiến bộ ,phù hợp nhằm ngày càng hoàn thiện cơ sở kinh tế - xã hội của chủ nghĩa xâ hội.

Việt Nam đang ở chặng đầu quá độ lên chủ nghĩa xã hội,lực lượng sản xuất còn yếu kém ,lạc hậu lên việc sử dụng cơ chế thị trường cùng các hình thức và phương pháp quản lý của kinh tế thị trường là để kích thích sản xuất,thúc đẩy công nghiệp hóa ,hiện đại hóa ,đảm bảo từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội .Tuy nhiên ,trong quá trình đó cần hết sức chú ý hạn chế tính tự phát tư bản chủ nghĩa do cơ chế thị trường mang lại .

1.3 Về quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế.

Sở hữu được hiểu là quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội trên cơ sở chiếm hữu nguồn lực của quá trình sản xuất và kết quả lao động tương ứng của quá trình sản xuất hay tái sản xuất ấy trong một điều kiện lịch sử nhất định.

Khi đề cập tới sở hữu hàm ý trong đó có chủ sở hữu, đối tượng sở hữu và lợi ích từ đối tượng sở hữu. Mục đích của sở hữu là nhằm thực hiện những lợi ích từ đối tượng sở hữu.

*Sở hữu bao hàm nội dung kinh tế và nội dung pháp lý.*

Về nội dung kinh tế, sở hữu là cơ sở, là điều kiện của sản xuất. Nội dung kinh tế của sử hữu biểu hiện ở khía cạnh lợi ích, trước hết là những lợi ích kinh tế mà chủ thể sở hữu sẽ được thụ hưởng khi xác định đối tượng sở hữu đó thuộc về mình trước các quan hệ với người khác. Không xác lập quan hệ sở hữu, không có cơ sở để thực hiện lợi ích kinh tế.

Về nội dung pháp lý, sở hữu thể hiện những quy định mang tính chất pháp luật về quyền hạn, nghĩa vụ của chủ thể sở hữu. Trong trường hợp này, sở hữu luôn là vấn đề quan trọng hàng đầu khi xây dựng và hoạch định cơ chế pháp lý nhà nước với quá trình phát triển nói chung.

Nội dung kinh tế và nội dung pháp lý của sở hữu thống nhất biện chứng trong một chỉnh thể. Nội dung pháp lý là phương thức để thực hiện lợi ích một cách chính đáng. Khi không xét trong nội dung pháp lý, lợi ích – biểu hiện của tập trung kinh tế không được thực hiện một cách hợp pháp. Khi không xét tới nội dung kinh tế, nội dung pháp lý của sở hữu chỉ mang giá trị về mặt hình thức. Cho nên, trong thực tế, việc thúc đẩy phát triển quan hệ sở hữu tất yếu cần chú ý tới cả khía cạnh pháp lý cũng như khía cạnh kinh tế sở hữu.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế có nhiều hình thức sử hữu, nhiều thành phần kinh tế trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng, kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập tự chủ. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác, cạnh tranh cùng phát triển theo pháp luật. Đây không chỉ là điểm khác biệt cơ bản với nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa mà còn phản ánh nhận thức mới về quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Để đi lên chủ nghĩa xã hội cần phải phát triển kinh tế nhiều thành phần nhằm tạo động lực cạnh tranh cho nền kinh tế. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội ở Việt Nam không chỉ củng cố và phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa với hai thành phần (nhà nước và tập thể) mà còn phải khuyến khích các thành phần kinh tế dựa trên sở hữu tư nhân coi đó là động lực quan trọng, thực hiện sự liên kết giữa các loại hình công hữu – tư hữu sâu rộng ở trong và ngoài nước. Mỗi thành phần kinh tế đều là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế quốc dân, bình đẳng trước pháp luật, cùng tồn tại và phát triển, cùng hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Chỉ có như vậy mới có thể khai thác mọi nguồn lực, nâng cao hiệu quả kinh tế, phát huy được tiềm năng to lớn của các thành phần kinh tế vào sự phát triển chung của đất nước nhằm thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng tăng của các tầng lớp nhân dân.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Đó là vấn đề có tính nguyên tắc nhằm bảo đảm đúng định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường. Với vai trò của mình kinh tế nhà nước không đứng độc lập, tách rời mà luôn có mối quan hệ gắn bó hữu cơ với toàn bộ nền kinh tế và trong suốt cả quá trình phát triển. Phần sở hữu nhà nước không chỉ có trong nền kinh tế nhà nước mà có thể được sử dụng ở nhiều thành phần kinh tế khác. Bằng thực lực của mình kinh tế nhà nước phải là đòn bẩy để thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững và giải quyết các vấn đề xã hội; mở đường, hướng dẫn, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển; làm lực lượng vật chất để nhà nước thực hiện chức năng điều tiết, quản lý nền kinh tế. Các doanh nghiệp nhà nước chỉ đầu tư vào những ngành kinh tế then chốt vừa chi phối được nền kinh tế vừa đảm bảo được an ninh, quốc phòng và phục vụ lợi ích công cộng… Với ý nghĩa đó, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam không chỉ là phát triển lực lượng sản xuất mà còn là từng bước xây dựng quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

* 1. Về quan hệ quản lý nền kinh tế.

Trong nền kinh tế thị trường hiện đại ở mọi quốc gia trên thế giới, nhà nước đều phải can thiệp (điều tiết) quá trình phát triển kinh tế của đất nước nhằm khắc phục những hạn chế, khuyết tật của kinh tế thị trường và định hướng chúng theo mục tiêu đã định. Tuy nhiên, quan hệ quản lý và cơ chế quản lý trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có đặc trưng riêng đó là: Nhà nước quản lý và thực hành cơ chế quản lý là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, sự làm chủ và giám sát của nhân dân với mục tiêu dùng trong kinh tế thị trường để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, vì “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Đảng lãnh đạo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thông qua cương lĩnh, đường lối phát triển kinh tế - xã hội và các chủ trương, quyết sách lớn trong từng thời kỳ phát triển của đất nước, là yếu tố quan trọng bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường.

Nhà nước quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thông qua pháp luật, các chiến lược, kế hoạch, quy hoạch và cơ chế chính sách cùng các công cụ kinh tế trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc của thị trường, phù hợp với yêu cầu xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nhà nước chăm lo xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường để phát triển đồng bộ các loại thị trường, khuyến khích các thành phần kinh tế phát huy mọi nguồn lực để mở mang kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh, có trật tự, kỷ cương. Cùng với đó thông qua cơ chế, chính sách và các công cụ quản lý kinh tế, nhà nước tác động vào thị trường nhằm bảo đảm tính bền vững của các cân đối kinh tế vĩ mô; khắc phục những khuyết tật của kinh tế thị trường, khủng hoảng chu kỳ, khủng hoảng cơ cấu, khủng hoảng tài chính – tiền tệ, thảm họa thiên tai, nhân tai… Nhà nước hỗ trợ thị trường trong nước khi cần thiết, hỗ trợ các nhóm dân cư có thu nhập thấp, gặp rủi ro trong cuộc sống…. nhằm giảm bớt sự phân hóa giàu nghèo và sự bất bình đẳng trong xã hội mà kinh tế thị trường mang lại.

* 1. Về quan hệ phân phối.

Về phân phối, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện đa dạng hoá các hình thức phân phối Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động. hiệu quả kinh tế, đồng thời theo múc đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội". Cơ chế phân phối này vừa tạo động lục kích thích các chủ thể kinh tế nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời hạn chế những bát công trong xã hội. Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ, công bằng xã hội ngày trong từng bước và tổng chính sách phát triển.

Quan hệ phân phối bị chi phối và quyết định bởi quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất. Nền kinh tế thị trường với sự đa dạng các hình thức sở hữu do vậy thích ứng với nó sẽ có các loại hình phân phối khác nhau: phân phối theo kết quả làm ra chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

* 1. Về quan hệ gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội.

Tiến bộ và công bằng xã hội vừa là điều kiện đảm bảo cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế, vừa là mục tiêu thể hiện bản chất tốt đẹp cảu chế độ xã hội chue nghĩa mà chúng ta phải hiện thực hóa từng bước trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Những vấn đề nêu trên đã khái quát rõ nét những vấn đề cơ bản của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó vấn đề định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện ở năm điểm: có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội; xác lập quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp để thúc đẩy phát triển mạnh lực lượng sản xuất; và nhất là: thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển.

Tỉnh định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường nước ta còn thể hiện ở chỗ tăng trưởng kinh tế phải đi đối với phát triển văn hóa, giáo dục, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiền tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân, nâng cao dân trí, giáo dục và đào tạo con người, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực của đất nước

2. Những thành tựu sau 35 năm phát triển kinh tế của đất nước.

2.1 Quy mô nền kinh tế Việt Nam sau 35 năm phát triển.

Hơn 35 năm qua, dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; ghi cột mốc và đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc, về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Chưa bao giờ đất nước ta có cơ ngơi, tiền đồ, uy tín và vị thế to lớn, rất trân trọng, đáng tự hào như ngày nay.

Trong suốt thời gian này, kinh tế Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng khá ấn tượng. Nếu như trong giai đoạn đầu đổi mới (1986 - 1990), mức tăng trưởng GDP bình quân hằng năm chỉ đạt 4,4% thì giai đoạn 1991 - 1995, GDP bình quân đã tăng gấp đôi, đạt 8,2%/năm; các giai đoạn sau đó đều có mức tăng trưởng khá cao; giai đoạn 2016 - 2019 đạt mức bình quân 6,8%. Mặc dù năm 2020, kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 nhưng tốc độ tăng GDP của Việt Nam vẫn thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực, thế giới.

Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên, nếu như năm 1989 mới đạt 6,3 tỷ USD/năm thì đến năm 2020 đã đạt khoảng 268,4 tỷ USD/năm. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt, năm 1985 bình quân thu nhập đầu người mới đạt 159 USD/năm thì đến năm 2020 đạt khoảng 2.750 USD/năm.

Những nỗ lực đổi mới trong 35 năm qua đã giúp cho môi trường đầu tư liên tục được cải thiện, nhờ đó đã thu hút ngày càng nhiều hơn vốn đầu tư cho phát triển. Tính riêng năm 2019, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành đạt 2.046,8 nghìn tỷ đồng; tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 38,02 tỷ USD, cao nhất trong vòng 10 năm lại đây. Năm 2020, trong bối cảnh đại dịch Covid-19, Việt Nam vẫn là một điểm đến tin cậy cho các nhà đầu tư với tổng vốn FDI đạt 28,5 tỷ USD. Ngoài ra, tại Việt Nam đã hình thành các vùng kinh tế trọng điểm để làm động lực cho phát triển kinh tế vùng, miền và cả nước; phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung nhằm thu hút vốn đầu tư phát triển, đồng thời hình thành các vùng chuyên môn hóa cây trồng, vật nuôi gắn với chế biến công nghiệp... Nhìn chung, các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế đều có bước phát triển mạnh mẽ.

Qua 35 năm, từ chỗ thiếu ăn, Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới. Kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng nông sản, như cà phê, gạo, hạt điều, rau quả, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ... luôn duy trì ở mức cao. Các mặt hàng xuất khẩu khác cũng có bước tiến lớn. Đặc biệt, trong bối cảnh bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 khiến hoạt động thương mại và đầu tư thế giới suy giảm, thì tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2020 vẫn đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm 2019; xuất siêu 19,1 tỷ USD - cao nhất trong 5 năm liên tiếp xuất siêu kể từ năm 2016. Với kim ngạch xuất nhập khẩu ấn tượng đã đưa Việt Nam xếp thứ 22 thế giới về quy mô kim ngạch và năng lực xuất khẩu, đứng thứ 26 về quy mô thương mại quốc tế.

2.2 Phát triển gắn kết hài hòa với phát triển văn hóa - xã hội.

Trong suốt quá trình 35 năm đổi mới, việc tăng trưởng kinh tế đã cơ bản gắn kết hài hòa với phát triển văn hóa, xây dựng con người, tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển. Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc giải quyết việc làm đã dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm; từ chỗ không chấp nhận có sự phân hóa giàu - nghèo đã đi đến khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo. Công tác giảm nghèo của Việt Nam đã đạt được những thành tựu ấn tượng. Tỷ lệ hộ nghèo trên cả nước đã giảm từ 58% năm 1993 xuống 22% năm 2005; 9,45% năm 2010, 7% năm 2015 và còn dưới 3% năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều).

Quy mô giáo dục tiếp tục được phát triển, cơ sở vật chất được nâng cao, chất lượng đào tạo từng bước đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực. Nhiều chỉ số về giáo dục phổ thông của Việt Nam được đánh giá cao trong khu vực, như: Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99% (đứng thứ 2 trong khu vực ASEAN sau Singapore); tỷ lệ học sinh đi học và hoàn thành chương trình tiểu học sau 5 năm đạt 92,08%, đứng ở tốp đầu của khối ASEAN.

Vị thế các trường đại học của Việt Nam đã được nâng lên trong bảng xếp hạng châu Á và thế giới, năm 2019 xếp thứ 68/196 quốc gia trên thế giới, tăng 12 bậc so với năm 2018. Lần đầu tiên, Việt Nam có 4 cơ sở giáo dục đại học được vào top 1.000 trường đại học tốt nhất thế giới. Việt Nam đang là điểm đến được lựa chọn của nhiều sinh viên quốc tế trong những năm gần đây.

Năng lực của hệ thống các cơ sở y tế được củng cố và phát triển. Nhờ đó, người dân dễ dàng tiếp cận với các dịch vụ y tế hơn. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cũng được chú trọng đầu tư, đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân… Việt Nam là một trong số ít quốc gia có hệ thống y tế hoàn chỉnh, tổ chức rộng khắp tới tận thôn, bản; làm chủ được nhiều kỹ thuật công nghệ cao mang tầm thế giới như: ghép chi, tim, gan, thận...; kiểm soát được nhiều dịch bệnh nguy hiểm, trong đó có Covid-19; chủ động sản xuất được nhiều loại vắcxin phòng bệnh, mới đây nhất là vắcxin phòng Covid-19...

Bên cạnh đó, công tác bảo đảm an sinh xã hội luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm thực hiện. Đến nay, diện thụ hưởng chính sách an sinh xã hội ngày càng mở rộng, mức hỗ trợ được nâng lên, đời sống vật chất và tinh thần của người dân, đặc biệt là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Trong 25 năm qua, ngành Bảo hiểm xã hội đã giải quyết cho hơn 112,5 triệu lượt người hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội. Từ năm 2003 - 2018, ngành Bảo hiểm xã hội phối hợp với ngành Y tế đã đảm bảo quyền lợi cho trên 1.748 triệu lượt người tham gia khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, bình quân mỗi năm có trên 109 triệu lượt người thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Ngoài ra, các phong trào “Tương thân tương ái,” “Đền ơn đáp nghĩa,” “Uống nước nhớ nguồn” do các cấp và các đoàn thể, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và toàn thể nhân dân thực hiện và hưởng ứng tham gia trong những năm qua cũng đã phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đóng góp đáng kể an sinh xã hội cho nhân dân, nhất là người nghèo, vùng khó khăn.

2.3 Hội nhập quốc tế sâu rộng, vị thế ngày càng được nâng cao.

35 năm đổi mới cũng là một chặng đường hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức. Việt Nam đã thiết lập được nhiều quan hệ đối tác chiến lược về kinh tế; tích cực xây dựng Cộng đồng ASEAN 2015 và hoàn thiện thị trường trong nước đầy đủ hơn theo cam kết WTO. Đến nay, đã có 71 quốc gia công nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam.

Từ khi gia nhập WTO đến nay, Việt Nam đã ký kết 15 FTA khu vực và song phương và đang đàm phán 2 FTA với các đối tác khác. Các FTA mà Việt Nam tham gia có độ phủ rộng hầu hết các châu lục với gần 60 nền kinh tế có tổng GDP chiếm gần 90% GDP thế giới, trong đó có 15 nước thành viên G20 và 9/10 đối tác kinh tế - thương mại lớn nhất của Việt Nam thuộc 3 trung tâm kinh tế lớn nhất thế giới là Bắc Mỹ, Tây Âu và Đông Á. Do đó, việc tham gia và thực thi các FTA sẽ mang lại những cơ hội lớn cho Việt Nam, tác động tích cực tới phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm...

Việt Nam cũng là thành viên chủ động, tích cực và có trách nhiệm cao trong các tổ chức quốc tế. Việt Nam đã tham gia vào Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), các tổ chức của Liên hợp quốc... đóng góp tích cực và đang trở thành nước có vị thế và vai trò ngày càng cao ở khu vực, được cộng đồng quốc tế tôn trọng. Bên cạnh đó, Việt Nam đã được tín nhiệm bầu vào các cơ quan quan trọng của Liên hợp quốc, như: Hội đồng Nhân quyền nhiệm kỳ 2014 - 2016, Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO nhiệm kỳ 2013 - 2017, Hội đồng kinh tế - xã hội của Liên hợp quốc (ECOSOC) nhiệm kỳ 2016 - 2018.

Đặc biệt, năm 2020, Việt Nam cùng lúc đảm nhận 3 trọng trách: Ủy viên không Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Chủ tịch ASEAN và Chủ tịch AIPA. Trong bối cảnh vô cùng khó khăn của đại dịch Covid-19 và những thiệt hại nặng nề do thiên tai bão lũ... song Việt Nam đã hoàn thành tốt cả ba trọng trách, góp phần nâng cao uy tín, vị thế Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Những thành tựu của 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới đã tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo. Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

3. Một số kiến nghị.

- Cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế

- Để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH, thiết lập quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trên cả 3 mặt: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối, phải xây dựng và phát triển kinh tế thị trường

- Tạo ra nhiều chính sách tiền lương để thu hút nhân công lao động, người tài giỏi

- Tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế để thu hút đầu tư từ các quốc gia khác

# KẾT LUẬN

Phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta là sự lựa chọn hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển khách quan và xu thế tất yếu của thời đại. Việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta là hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ trong lịch sử; đòi hỏi chúng ta phải thường xuyên tổng kết thực tiễn, bổ sung lý luận để nhận thức ngày càng đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, bảo đảm định hướng XHCN của nền kinh tế. Như vậy, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta vừa mang tính phổ biến (đặc trưng chung) của mọi nền kinh tế thị trường; vừa có đặc trưng riêng của tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Hai nhóm nhân tố này cùng tồn tại, kết hợp và bổ sung cho nhau. Trong đó, nhóm đặc trưng chung đóng vai trò là động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển, nhóm đặc trưng riêng đóng vai trò hướng dẫn nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin, (2006).

[2] Theo trích dẫn của nghiên cứu khoa học và giáo trình.

[3] Cổng Thông Tin Điện Tử Tỉnh Phú Thọ. <https://phutho.gov.vn/vi/mot-so-thanh-tuu-noi-bat-sau-35-nam-doi-moi-dat-nuoc>

[4] Đại Học Duy Tân, (2020). <https://kmacle.duytan.edu.vn/Home/ArticleDetail/vn/106/1156/nhung-dac-trung-co-ban-cua-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-o-viet-nam>